

SỞ Y TẾ TỈNH BẮC NINH  
**TRUNG TÂM Y TẾ LỤC NGẠN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /TTYT-KD

Phường Chủ, ngày tháng 12 năm 2025

V/v: Bảo trì, bảo dưỡng, tẩy rửa, khử trùng hệ thống xử lý nước RO và xét nghiệm kiểm soát chất lượng nước lọc thận nhân tạo

Kính gửi: Các đơn vị, doanh nghiệp Bảo trì, bảo dưỡng, tẩy rửa, khử trùng hệ thống xử lý nước RO và xét nghiệm chất lượng nước lọc thận nhân tạo

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023; Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2025; Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế; Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03/3/2023; Nghị định số 04/2025/NĐ-CP ngày 01/01/2025 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/8/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 374/QĐ-SYT ngày 01/8/2025 của Sở Y tế tỉnh Bắc Ninh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 cho các đơn vị trực thuộc Sở Y tế sau sắp xếp;

Trung tâm Y tế Lục Ngạn có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: “Bảo trì, bảo dưỡng, tẩy rửa, khử trùng hệ thống xử lý nước RO và xét nghiệm kiểm soát chất lượng nước lọc thận nhân tạo” với nội dung cụ thể như sau:

**I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá**

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Y tế Lục Ngạn
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Đ/c Phạm Đức Thương – Trưởng Khoa Dược, vật tư TTBYT
- Cách thức tiếp nhận báo giá:
  - Nhận trực tiếp (gửi chuyển phát qua bộ phận Văn thư): Đ/c Phạm Đức Thương
  - Số điện thoại: 0912.524.359

- Địa chỉ: Khoa Dược - Vật tư TTBYT Trung tâm Y tế Lục Ngạn – Tổ dân phố Minh Lập, Phường Chũ, tỉnh Bắc Ninh.

- Nhận qua địa chỉ hộp thư điện tử của Trung tâm Y tế Lục Ngạn: **trungtamytelucngan@gmail.com**.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Thời gian nhận báo giá từ ngày phát hành đến hết **16 giờ 30 phút ngày 05/01/2026**

*(Do yêu tính chất của hàng hóa, dịch vụ phục vụ công tác khám bệnh chữa bệnh, báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét)*

## **II. Nội dung yêu cầu báo giá:**

Danh mục, số lượng, tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan: Có bản chi tiết kèm theo.

### ***Nơi nhận:***

- Như trên;
- website: <https://muasamcong.mpi.gov.vn>
- Website: <http://trungtamytelucngan.com>;
- Lưu: VT.

**GIÁM ĐỐC**

**Đỗ Văn Sinh**

## PHỤ LỤC

(Kèm theo Công văn số /TTYT-KD ngày /12/2025 của Trung tâm Y tế Lục Ngạn)

### BÁO GIÁ HÀNG HOÁ

Kính gửi: Trung tâm Y tế Lục Ngạn

Chúng tôi, Công ty (Tên Đơn vị)....., có địa chỉ tại: .....

Căn cứ danh mục hàng hoá đề nghị báo giá của Quý Cơ quan, Chúng tôi báo giá đơn giá hàng hoá như sau:

| TT                                                                                                                                                                    | Danh mục dịch vụ                 | Mô tả dịch vụ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Khối lượng | Đơn vị tính | Địa điểm/ thời gian thực hiện                                                                   |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Phần 1. Bảo trì, bảo dưỡng, tẩy rửa, khử trùng Hệ thống xử lý nước RO dùng cho thận nhân tạo 2.000 lít/giờ; Model: SV-RO2000AT, hãng sản xuất: SENVI/ Việt Nam</b> |                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |            |             |                                                                                                 |
| 1                                                                                                                                                                     | Bảo trì, bảo dưỡng 06 tháng/ lần | Kiểm tra, bảo dưỡng, xử lý các hư hỏng nhỏ của toàn bộ hệ thống, bao gồm:<br>- Hệ thống tủ điện điều khiển, PLC, máy đo độ dẫn điện, màn hình cảm ứng...<br>- Các phần tử điện, cơ khí, thủy lực như bơm, van, Attomate, Autovalve, khởi động từ, van phao..., đảm bảo hoạt động tốt.<br>- Kiểm tra toàn bộ đường ống, nguồn cấp đèn UV, tình trạng phin lọc các loại và đưa ra các cảnh báo (thay thế), tư vấn kịp thời cho đơn vị sử dụng<br>- Vệ sinh công nghiệp toàn bộ 03 HT (tiền lọc, lọc thô và hệ thống lọc RO... )<br>- Tư vấn và thay thế các vật tư như phin lọc, vật liệu lọc nếu cùng đợt vệ sinh bảo dưỡng (vật tư thay thế do bên A chịu trách nhiệm thanh toán riêng)<br>- Hỗ trợ kỹ thuật, xử lý khắc phục trong vòng 8 giờ khi có sự cố hoặc các tiêu chí xét nghiệm nước RO cho lọc thận nhân tạo không đạt yêu cầu, trong thời gian thực hiện hợp đồng 36 tháng miễn phí.<br>- Vật tư thay thế... (Nếu có) | Lần        | 06          | Trung tâm y tế Lục Ngạn<br>- Địa chỉ: Phường Chũ tỉnh Bắc Ninh<br>- Thời gian thực hiện và hoàn |

|   |                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |     |    |                               |
|---|-------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|----|-------------------------------|
| 2 | Khử trùng đường ống, tanh chứa nước RO<br>01 quý/ lần | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khử trùng Đường ống, tanh chứa RO bằng hóa chất được Bộ Y tế quy định 1 quý/lần</li> <li>- Hóa chất khử khuẩn bằng Hemoclean RP 4,5% và Giavel 0,2 -0,5%, sử dụng 2 hóa chất xen kẽ nhau giữa các lần khử trùng</li> <li>- Hệ thống khử vi sinh, đèn khử khuẩn UV, hệ thống đường ống cấp nước vào máy thận nhân tạo và rửa quả lọc,</li> <li>- Hỗ trợ xử lý, tẩy rửa khử trùng cho Trung tâm trong vòng 8 giờ khi có sự cố hoặc các tiêu chí xét nghiệm nước RO cho lọc thận nhân tạo không đạt yêu cầu, trong thời gian thực hiện hợp đồng 36 tháng miễn phí.</li> <li>- Vật tư thay thế... (Nếu có)</li> </ul> | Lần | 12 | thành<br>dịch vụ:<br>36 tháng |
| 3 | Chi phí khác (Nếu có)                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |     |    |                               |

## Phần 2. Xét nghiệm kiểm soát chất lượng nước cho lọc thận nhân tạo của Trung tâm Y tế Lục Ngạn

| I  | Xét nghiệm nước nguồn                |                                                                                                                |     |   |                                                                                                                           |
|----|--------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|---|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1  | Hàm lượng florua                     | Xét nghiệm nước nguồn cấp cho hệ thống RO chạy TNT gồm 25 chỉ tiêu hóa lý và vi sinh vật 6 tháng/lần/ 36 tháng | Mẫu | 6 | - Trung tâm y tế Lục Ngạn<br>- Địa chỉ: Phường Chũ tỉnh Bắc Ninh<br>- Thời gian thực hiện và hoàn thành dịch vụ: 36 tháng |
| 2  | Độ đục                               |                                                                                                                | Mẫu | 6 |                                                                                                                           |
| 3  | Độ pH                                |                                                                                                                | Mẫu | 6 |                                                                                                                           |
| 4  | Độ cứng, tính theo CaCO <sub>3</sub> |                                                                                                                | Mẫu | 6 |                                                                                                                           |
| 5  | Clorua                               |                                                                                                                | Mẫu | 6 |                                                                                                                           |
| 6  | Hàm lượng Sắt                        |                                                                                                                | Mẫu | 6 |                                                                                                                           |
| 7  | Hàm lượng mangan tổng số             |                                                                                                                | Mẫu | 6 |                                                                                                                           |
| 8  | Hàm lượng Nitrat (NO <sub>3</sub> -) |                                                                                                                | Mẫu | 6 |                                                                                                                           |
| 9  | Hàm lượng Nitrit (NO <sub>2</sub> -) |                                                                                                                | Mẫu | 6 |                                                                                                                           |
| 10 | Hàm lượng Sulfat (SO <sub>4</sub> )  |                                                                                                                | Mẫu | 6 |                                                                                                                           |
| 11 | Chỉ số pecmanganat                   |                                                                                                                | Mẫu | 6 |                                                                                                                           |
| 12 | Tổng chất rắn hòa tan (TDS)          |                                                                                                                | Mẫu | 6 |                                                                                                                           |
| 13 | Hàm lượng Nhôm                       |                                                                                                                | Mẫu | 6 |                                                                                                                           |

|    |                         |                                                                                                        |     |   |                                                                                                         |
|----|-------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|---|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 14 | Hàm lượng Chì           |                                                                                                        | Mẫu | 6 |                                                                                                         |
| 15 | Hàm lượng Natri         |                                                                                                        | Mẫu | 6 |                                                                                                         |
| 16 | Hàm lượng Amoni         |                                                                                                        | Mẫu | 6 |                                                                                                         |
| 17 | Hàm lượng Asen          |                                                                                                        | Mẫu | 6 |                                                                                                         |
| 18 | Hàm lượng Thủy ngân     |                                                                                                        | Mẫu | 6 |                                                                                                         |
| 19 | Hàm lượng Cadimi        |                                                                                                        | Mẫu | 6 |                                                                                                         |
| 20 | Hàm lượng Crom tổng số  |                                                                                                        | Mẫu | 6 |                                                                                                         |
| 21 | Hàm lượng Đồng tổng số  |                                                                                                        | Mẫu | 6 |                                                                                                         |
| 22 | Hàm lượng Niken         |                                                                                                        | Mẫu | 6 |                                                                                                         |
| 23 | Hàm lượng Kẽm           |                                                                                                        | Mẫu | 6 |                                                                                                         |
| 24 | Coliforms               |                                                                                                        | Mẫu | 6 |                                                                                                         |
| 25 | E.coli                  |                                                                                                        | Mẫu | 6 |                                                                                                         |
| II | Xét nghiệm nước RO      |                                                                                                        |     |   |                                                                                                         |
| 1  | Magie (Mg2+)            | Xét nghiệm hóa lý nước RO chạy thận nhân tạo theo tiêu chuẩn ISO 23500-3:2024, 06 tháng/ lần /36 tháng | Mẫu | 6 | - Trung tâm y tế Lục Ngạn<br>- Địa chỉ: Phường Chũ tỉnh Bắc Ninh<br>- Thời gian thực hiện và hoàn thành |
| 2  | Canxi (Ca2+)            |                                                                                                        | Mẫu | 6 |                                                                                                         |
| 3  | Natri (Na+)             |                                                                                                        | Mẫu | 6 |                                                                                                         |
| 4  | Kali (K+)               |                                                                                                        | Mẫu | 6 |                                                                                                         |
| 5  | Hàm lượng Nitrat (NO3-) |                                                                                                        | Mẫu | 6 |                                                                                                         |
| 6  | Hàm lượng Sulfat (SO4)  |                                                                                                        | Mẫu | 6 |                                                                                                         |
| 7  | Clo                     |                                                                                                        | Mẫu | 6 |                                                                                                         |
| 8  | Hàm lượng Nhôm          |                                                                                                        | Mẫu | 6 |                                                                                                         |
| 9  | Hàm lượng Chì           |                                                                                                        | Mẫu | 6 |                                                                                                         |
| 10 | Hàm lượng Asen          |                                                                                                        | Mẫu | 6 |                                                                                                         |

|     |                              |                                                                                        |     |    |                      |
|-----|------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|-----|----|----------------------|
| 11  | Hàm lượng Florua             |                                                                                        | Mẫu | 6  | dịch vụ:<br>36 tháng |
| 12  | Hàm lượng Thủy ngân          |                                                                                        | Mẫu | 6  |                      |
| 13  | Hàm lượng Antimon            |                                                                                        | Mẫu | 6  |                      |
| 14  | Hàm lượng Bari               |                                                                                        | Mẫu | 6  |                      |
| 15  | Hàm lượng Cadimi             |                                                                                        | Mẫu | 6  |                      |
| 16  | Hàm lượng Crom tổng số       |                                                                                        | Mẫu | 6  |                      |
| 17  | Hàm lượng Đồng tổng số       |                                                                                        | Mẫu | 6  |                      |
| 18  | Hàm lượng Bạc                |                                                                                        | Mẫu | 6  |                      |
| 19  | Hàm lượng Beri (Be)          |                                                                                        | Mẫu | 6  |                      |
| 20  | Hàm lượng Selen              |                                                                                        | Mẫu | 6  |                      |
| 21  | Hàm lượng Kẽm                |                                                                                        | Mẫu | 6  |                      |
| 22  | Tổng số vi sinh vật          | Xét nghiệm nội độc tố và vi khuẩn 3 tháng/ lần x 3 mẫu x 12 lần (36 tháng)<br>= 36 mẫu | Mẫu | 36 |                      |
| 23  | Nồng độ Endotoxin            |                                                                                        | Mẫu | 36 |                      |
| III | <b>Chi phí khác (nếu có)</b> |                                                                                        |     |    |                      |

**\* Ghi chú:**

- Thông số kỹ thuật nêu tại phụ lục đính kèm là thông số kỹ thuật tham khảo. Các đơn vị báo giá có thể báo giá hàng hoá có đặc tính, tính năng và thông số kỹ thuật tương đương.

- Nếu là báo giá trực tiếp của hãng sản xuất hàng hóa, nhà phân phối, cung cấp duy nhất tại Việt Nam đề nghị gửi kèm tài liệu chứng minh và phải chịu trách nhiệm trước Pháp luật về tài liệu đã cung cấp.

- Đơn giá trên là trọn gói, đã bao gồm thuế GTGT, các loại thuế và các loại chi phí có liên quan theo quy định của Nhà nước để thực hiện gói thầu, hàng hoá được bàn giao, hướng dẫn sử dụng, nghiệm thu và bảo hành (nếu có) tại Trung tâm Y tế Lục Ngạn mà Chủ đầu tư không phải thanh toán thêm bất cứ khoản chi phí nào khác.

- Doanh nghiệp báo giá:

+ Người báo giá là đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

+ Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

+ Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

+ Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực

Báo giá này có hiệu lực .....ngày kể từ ngày...../ ../2025.

....., ngày      tháng      năm 202

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA ĐƠN VỊ**

**GIÁM ĐỐC**

*(Ký tên, đóng dấu)*